

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 11-9-2025.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÂM ĐỒNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Liên và ông Nguyễn Trọng Chuẩn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 16-6-2025 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1980 – Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cước công dân số: 0400800288XX.

Địa chỉ: 182 đường T, phường Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cũ – Nay là xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Căn cước công dân số: 0401810309XX.

Địa chỉ: Thôn N, xã Năm N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ – Nay là Thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với chị Trần Thị Đ ngày 17-11-2004 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (nay là xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống từ khi kết hôn đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân cho đến nay. Chị Đ dẫn

con chuyển về Thôn N, xã Nam N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống; còn tôi chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống.

Nay nhận thấy hôn nhân giữa tôi và chị Đ không tồn tại trên thực tế đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể quay về với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với chị Trần Thị Đ.

Về con chung: Tôi và chị Trần Thị Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25-02-2006. Con chung đã thành niên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và chị Trần Thị Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác làm việc nên không có trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và không gửi văn bản thay đổi ý kiến; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cũ (nay là xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An) ngày 17-11-2004 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống giữa chị Đ và anh V không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Như vậy, anh V khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Đ và anh V có 01 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25-02-2006. Con chung của anh chị đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh V trình bày anh chị không có nợ chung, tài sản chung. Chị Đ và anh V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị Đ. Chị Đ có nơi cư trú tại Thôn N, xã Nâm N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ (*nay là Thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng*). Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cũ (*nay là xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An*) số 189/2004 ngày 17-11-2004 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị Đ. Tuy nhiên, do đương sự không trình báo, không yêu cầu giải quyết mâu thuẫn nên chính quyền địa phương không biết tình trạng hôn nhân giữa anh chị.

Quá trình chung sống, do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được nên anh V và chị Đ đã ly thân 17 năm (từ năm 2008 đến nay). Hiện anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có trên thực tế nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đ. Chị Đ không hợp tác làm việc với Tòa án, không có mặt tại các phiên hòa giải cũng như phiên tòa thể hiện chị không có nguyện vọng hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh V. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn V đối với chị Trần Thị Đ với lý do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25-02-2006. Con chung của anh chị đã thành niên, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do anh Nguyễn Văn V trình bày không có, không yêu cầu và chị Trần Thị Đ không có yêu cầu.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn V chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V đối với chị Trần Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V được ly hôn với chị Trần Thị Đ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004680 ngày 12-6-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông cũ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Lâm Đồng;
- UBND xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà